

Số: 3854/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 21 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Phê duyệt Đề cương – Dự toán dự án Xây dựng bản đồ ngập lụt
vùng hạ du hồ Sông Mây, huyện Trảng Bom**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Phòng chống thiên tai năm 2013;

Căn cứ Luật Thủy lợi năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Căn cứ Nghị định số 112/2008/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ về quản lý, bảo vệ, khai thác tổng hợp tài nguyên và môi trường các hồ chứa thủy lợi thủy điện;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 3878/TTr-SNN ngày 16/9/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề cương - Dự toán dự án Xây dựng bản đồ ngập lụt vùng hạ du hồ Sông Mây, huyện Trảng Bom với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Xây dựng bản đồ ngập lụt vùng hạ du hồ Sông Mây, huyện Trảng Bom.
2. Người quyết định đầu tư: UBND tỉnh Đồng Nai.
3. Chủ đầu tư: Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Thủy lợi.
4. Địa điểm xây dựng: Xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.
5. Nguồn vốn thực hiện: Ngân sách tỉnh (Sự nghiệp thủy lợi).
6. Thời gian thực hiện: Năm 2020-2021.



7. Đơn vị lập đề cương, dự toán: Viện Thủy lợi và Môi trường.

8. Đơn vị thẩm tra đề cương, dự toán: Viện Quy hoạch thủy lợi Miền Nam.

9. Chủ trì lập đề cương, dự toán

a) Chủ trì lập đề cương: Ông Trần Nguyễn Công Danh, Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số BXD-00033467 ngày 28/8/2018.

b) Chủ trì lập dự toán: Ông Hoàng Đại Toàn, Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số BXD-00033461 ngày 28/8/2018.

10. Mục tiêu, nhiệm vụ của dự án

a) Mục tiêu

Xác định phạm vi, mức độ ngập lụt khi hồ chứa xả nước theo quy trình, xả lũ trong các tình huống khẩn cấp hoặc vỡ đập; làm cơ sở để các cơ quan, đơn vị xây dựng các phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp theo quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

b) Nhiệm vụ

Xây dựng bản đồ ngập lụt vùng hạ du hồ chứa nước Sông Mây ứng với các kịch bản có xét đến tác động và ảnh hưởng của biến đổi khí hậu; đồng thời xây dựng hệ thống cảnh báo trong vùng rủi ro của hạ du; lập phương án phòng chống lũ cho vùng hạ du, giúp cho chính quyền và nhân dân khu vực hạ du đập, với sự phối hợp và hỗ trợ của các ban ngành, lực lượng triển khai công tác chuẩn bị sẵn sàng và sơ tán dân kịp thời khi hồ xả lũ trong các tình huống khẩn cấp và vỡ đập gây ngập lụt.

11. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng được áp dụng:

- QCVN 04: 2009/BTNMT ngày 18 tháng 6 năm 2009 quy định về Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về xây dựng lưới tọa độ;

- QCVN 11: 2008/BTNMT ngày 18 tháng 6 năm 2009 quy định về Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về xây dựng lưới độ cao;

- TCVN 8478:2010 Công trình thủy lợi - Yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa hình trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế;

- TCVN 8224:2009 Công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về lưới khống chế mặt bằng địa hình;

- TCVN 8225:2009 Công trình thủy lợi - Quy định chủ yếu lưới khống chế cao độ địa hình;

- TCVN 9401:2012 Kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình;

- TCVN 8226:2009 Công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về khảo sát mặt cắt và bình đồ địa hình các tỷ lệ từ 1/200 đến 1/5000;

- Quy phạm xây dựng lưới độ cao hạng 1, 2, 3 và 4 do Cục Đo Đạc và Bản Đồ Nhà Nước ban hành kèm theo quyết định số 248/KT ngày 09/08/1990 của Cục Đo Đạc và Bản Đồ Nhà Nước;

- Quy phạm thành lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500, 1/1000, 1/2000, 1/5000 do Cục Đo Đạc và Bản Đồ Nhà Nước ban hành năm 1990;

- QCVN 47: 2012/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quan trắc thủy văn;

- TCVN 8304:2009 Quy phạm công tác Thủy văn trong hệ thống Thủy lợi;

- TCVN 8414:2010 Công trình thủy lợi kho nước, yêu cầu kỹ thuật trong quản lý và khai thác;

- TCKT 03/2015/TCTL Công trình thủy lợi – Hướng dẫn xây dựng bản đồ ngập lụt hạ du hồ chứa nước trong các tình huống xả lũ khẩn cấp và vỡ đập;

- QCVN 04-05-2012/BNNPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia - Công trình thủy lợi – Các quy định chủ yếu về thiết kế;

- Và các tiêu chuẩn liên quan khác.

12. Các nội dung thực hiện dự án

- Thu thập tài liệu cơ bản;
- Điều tra, phân tích, đánh giá hiện trạng;
- Khảo sát địa hình, thủy văn;
- Tính toán thủy văn, thủy lực;
- Xây dựng bản đồ ngập lụt theo các kịch bản;
- Lập phương án phòng chống lũ lụt cho vùng hạ du;
- Thiết kế, xây dựng, bàn giao hệ thống mốc cảnh báo ngập lụt.

13. Sản phẩm dự án: 15 bộ gồm:

- Báo cáo chính;
- Báo cáo tóm tắt;
- Báo cáo kết quả khảo sát địa hình, thủy văn (báo cáo+bản vẽ);
- Báo cáo tính toán thủy văn, thủy lực (kèm phụ lục tính toán);
- Báo cáo xây dựng bản đồ ngập lụt theo các kịch bản;
- Báo cáo cắm mốc cảnh báo ngập lụt hạ du;
- Báo cáo phương án phòng chống lũ lụt hạ du hồ;
- Bản đồ ngập lụt khổ A0 tỷ lệ 1:10.000 (màu) cho các kịch bản;
- File cơ sở dữ liệu bản đồ tỷ lệ 1: 10.000 định dạng ArcGis khổ A0;
- Đĩa CD lưu kết quả dự án.



14. Giá trị dự toán xây dựng (làm tròn): **2.928.720.000 đồng** (Bằng chữ: Hai tỷ, chín trăm hai mươi tám triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng)

Trong đó:

- Chi phí tư vấn: 2.771.925.390 đồng.
- Chi phí khác: 17.260.164 đồng.
- Chi phí dự phòng: 139.545.029 đồng.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

a) Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

b) Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Lập, phê duyệt nhiệm vụ, phương án kỹ thuật khảo sát và tổ chức quản lý chất lượng dự án theo các quy định hiện hành.

- Đối với các công việc sử dụng mã tạm tính, không có trong định mức xây dựng như chi phí chuyên gia,... và các giá vật tư không có trong thông báo giá của liên Sở Tài chính-Xây dựng tỉnh Đồng Nai. Đề nghị chủ đầu tư thuê đơn vị có chức năng, năng lực lập, thẩm định giá đúng chế độ, chính sách và quản lý chi phí đảm bảo theo quy định hiện hành.

- Tổ chức kiểm tra, rà soát lại khối lượng, số lượng, dự toán cho phù hợp đồng bộ với nội dung công việc, phương án kỹ thuật để làm cơ sở phê duyệt giá các gói thầu cũng như thương thảo, ký kết hợp đồng, tránh phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện.

- Sử dụng dự phòng phí hợp lý, đúng mục đích.

- Đối với các chi phí thực hiện lựa chọn nhà thầu, trường hợp chủ đầu tư tự tổ chức thực hiện thì áp dụng theo quy định tại Khoản 7 Điều 9 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ.

- Phối hợp với các địa phương, đơn vị quản lý vận hành hồ chứa để tổ chức thực hiện dự án phù hợp và hiệu quả.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giao thông vận tải; UBND huyện Trảng Bom; Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và thủy lợi; Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, PCVP. UBND tỉnh (KTN);
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

(Khoa/511.Qddecuongbandolutsmay)



Cao Tiên Dũng

**Phụ lục**

(Kèm theo Quyết định số 3854/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	THÀNH TIỀN (đồng)
I	CHI PHÍ TƯ VẤN	2.771.925.390
1	Chi phí lập đề cương dự toán	36.366.279
2	Chi phí thẩm tra đề cương	12.355.008
3	Chi phí lập, thẩm định HSMT, đánh giá HSDT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	18.997.512
3.1	Chi phí lập hồ sơ mời thầu	7.441.246
3.2	Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu	1.230.705
3.3	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu	9.094.856
3.4	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	1.230.705
4	Chi phí xây dựng bản đồ ngập lụt hạ du hồ Sông Mây	2.461.409.337
5	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát địa hình, thủy văn	25.328.727
6	Chi phí giám sát khảo sát	34.379.525
7	Chi phí thẩm định giá	20.000.000
8	Chi phí thẩm tra kết quả thực hiện	163.089.003
II	CHI PHÍ KHÁC	17.250.164
1	Chi phí thẩm định kết quả thực hiện	556.457
2	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	16.693.707
III	DỰ PHÒNG	139.545.029
1	Chi phí dự phòng do khối lượng phát sinh	139.545.029
	TỔNG CỘNG (LÀM TRÒN)	2.928.720.000

